

NGHỊ ĐỊNH

**THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM QUẢN LÝ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG ĐỐI VỚI TẬP ĐOÀN
CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI^[1]**

Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020;

2. Nghị định số 82/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 9 năm 2021.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 08 tháng 12 năm 2014;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020^[2].

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh^[3]

Nghị định này quy định thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội; công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội nắm giữ 100% vốn điều lệ; tổng công ty

và công ty do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người quản lý doanh nghiệp, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội^[4], công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội^[5] nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Người lao động là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật lao động của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội^[6], công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội^[7] nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Người được Công ty mẹ ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội^[8] đầu tư tại tổng công ty, công ty do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội^[9] nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (sau đây gọi chung là người đại diện phần vốn của Công ty mẹ).

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thực hiện các quy định tại Nghị định này.

Điều 3. Quản lý lao động

Công ty quy định tại Điều 1 Nghị định này thực hiện quản lý lao động như sau:

1. Rà soát lại cơ cấu tổ chức, định mức lao động, xác định các vị trí chức danh công việc để đảm bảo tuyển dụng, sử dụng lao động hiệu quả.

2. Hằng năm, căn cứ vào khối lượng, chất lượng, yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, xây dựng kế hoạch lao động làm cơ sở tuyển dụng, sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, Luật sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam, Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, các văn bản hướng dẫn thực hiện và Điều lệ của công ty; báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu cho ý kiến trước khi thực hiện (đối với tổng công ty, công ty do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội^[10] nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thông qua báo cáo của người đại diện phần vốn của Công ty mẹ).

3. Thực hiện tuyển dụng, sử dụng lao động theo quy định của pháp luật có liên quan và quy chế của công ty.

4. Quý IV hằng năm, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch lao động làm cơ sở xây dựng kế hoạch lao động cho năm sau; trường hợp tuyển dụng vượt quá kế hoạch, dẫn đến người lao

động không có việc làm, phải thôi việc hoặc chấm dứt hợp đồng lao động thì phải giải quyết đầy đủ chế độ đối với người lao động theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Xếp lương và phụ cấp lương

1. Đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Nghị định này là sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp tiếp tục xếp lương, phụ cấp lương theo thang lương, bảng lương và phụ cấp lương ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này không phải là sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp thực hiện xếp lương theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3.[\[11\]](#) Đối tượng quy định tại khoản 2 và 3 Điều 2 Nghị định này là công nhân quốc phòng xếp lương theo Nghị định số 19/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương của công nhân quốc phòng và chế độ phụ cấp thâm niên đối với viên chức quốc phòng. Đối tượng quy định tại khoản 2 và 3 Điều 2 Nghị định này là viên chức quốc phòng xếp lương theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

4.[\[12\]](#) Các đối tượng không thuộc đối tượng xếp lương theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này thì xếp lương, phụ cấp lương theo thang lương, bảng lương do công ty xây dựng, quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Bộ luật Lao động.

Điều 5. Quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội [\[13\]](#)

1.[\[14\]](#) Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội được giao ổn định đơn giá tiền lương (tính theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có tiền lương) trong giai đoạn 2016 - 2020 và từ năm 2021 trở đi trên cơ sở đơn giá tiền lương thực hiện bình quân của giai đoạn 2011 - 2015 khi bảo đảm đầy đủ các điều kiện: Hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được Đảng và Nhà nước giao; nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; mức tăng (tính theo tỷ lệ %) tiền lương bình quân phải thấp hơn mức tăng (tính theo tỷ lệ %) năng suất lao động bình quân và lợi nhuận thực hiện hằng năm phải cao hơn lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề ít nhất 3%.

2. Tiền lương của người quản lý doanh nghiệp được tính trong đơn giá tiền lương và quỹ tiền lương thực hiện của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[\[15\]](#).

3. Quỹ tiền lương thực hiện hằng năm của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[\[16\]](#) được xác định trên cơ sở đơn giá tiền lương được giao ổn định theo quy định tại khoản 1 Điều này, chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có tiền lương thực hiện theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và bảo đảm mức tăng (tính theo tỷ lệ %) tiền lương bình quân thấp hơn mức tăng (tính theo tỷ lệ %) năng suất lao động bình quân; trường hợp

lợi nhuận thực hiện không bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều này thì phải giảm trừ quỹ tiền lương thực hiện theo tỷ lệ (%) lợi nhuận không đạt so với điều kiện quy định.

4. Khi xác định quỹ tiền lương thực hiện, Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[17] loại trừ các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến lợi nhuận và năng suất lao động thực hiện so với lợi nhuận và năng suất lao động thực hiện của năm trước liền kề, bao gồm: Thực hiện các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng do Nhà nước và Bộ Quốc phòng giao; Nhà nước điều chỉnh giá (đối với sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá); ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp; tăng hoặc giảm vốn nhà nước; Nhà nước điều chỉnh cơ chế, chính sách hoặc yêu cầu công ty di dời, thu hẹp địa điểm sản xuất, kinh doanh ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ tiêu năng suất lao động và lợi nhuận của công ty; thực hiện nhiệm vụ chính trị, đảm bảo an sinh xã hội, cân đối cung cầu cho nền kinh tế theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; tiếp nhận hoặc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước đối với doanh nghiệp tái cơ cấu, xử lý và tái cơ cấu nợ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; đầu tư mới, mở rộng sản xuất, kinh doanh; tăng khấu hao để thu hồi vốn nhanh so với quy định của pháp luật sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân khách quan bất khả kháng khác.

Điều 6. Quản lý tiền lương đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội [18] nắm giữ 100% vốn điều lệ

1.[19] Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao ổn định đơn giá tiền lương (tính theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có tiền lương hoặc theo chỉ tiêu tổng sản phẩm hoặc tổng sản phẩm quy đổi) trong giai đoạn 2016 - 2020 và từ năm 2021 trở đi trên cơ sở đơn giá tiền lương thực hiện bình quân giai đoạn 2011 - 2015 khi bảo đảm đầy đủ các điều kiện: Hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được Đảng và Nhà nước giao; nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; mức tăng (tính theo tỷ lệ %) tiền lương bình quân phải thấp hơn mức tăng (tính theo tỷ lệ %) năng suất lao động bình quân và lợi nhuận thực hiện hằng năm không thấp hơn lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề.

Đơn giá tiền lương thực hiện bình quân giai đoạn 2011 - 2015 được tính trên quỹ tiền lương thực hiện và chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có tiền lương hoặc chỉ tiêu tổng sản phẩm hoặc tổng sản phẩm quy đổi thực hiện hằng năm trong giai đoạn 2011 - 2015.

2. Tiền lương của người quản lý doanh nghiệp được tính trong đơn giá tiền lương và quỹ tiền lương thực hiện của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[20] nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Quỹ tiền lương thực hiện hằng năm của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[21] nắm giữ 100% vốn điều lệ được xác định trên cơ sở đơn giá tiền lương được giao ổn định theo quy định tại khoản 1 Điều này, chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có tiền lương hoặc chỉ tiêu tổng sản phẩm hoặc tổng sản phẩm quy đổi thực hiện và bảo đảm mức tăng (tính theo tỷ lệ %) tiền lương bình quân thấp hơn mức tăng (tính theo tỷ lệ %) năng suất lao động bình quân; trường hợp lợi nhuận thực hiện không bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều này thì phải giảm trừ quỹ tiền lương thực hiện theo tỷ lệ (%) lợi nhuận không đạt so với điều kiện quy định.

4. Khi xác định quỹ tiền lương thực hiện, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[22] nắm giữ 100% vốn điều lệ được loại trừ các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động và lợi nhuận thực hiện trong năm so với năng suất lao động và lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề như quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này.

5.[23] Trong năm 2020 và từ năm 2021 trở đi, khi thực hiện mở rộng sản xuất, kinh doanh, thực hiện Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ mà công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội nắm giữ 100% vốn điều lệ phải tiếp nhận nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mới từ Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội hoặc nhận sáp nhập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khác do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh mới thì quỹ tiền lương của người lao động thực hiện như sau:

a) Trường hợp tiếp nhận nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mới từ Công ty mẹ hoặc nhận sáp nhập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ, từ khi tiếp nhận nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mới hoặc nhận sáp nhập, quỹ tiền lương thực hiện của người lao động thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh này được xác định trên cơ sở số lao động thực tế sử dụng bình quân và mức tiền lương tối đa bằng mức tiền lương bình quân của người lao động đã thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh đó tại công ty chuyển giao hoặc công ty bị sáp nhập trong năm liền kề trước thời điểm chuyển giao hoặc bị sáp nhập; trường hợp mức tiền lương bình quân này thấp hơn so với mức tiền lương bình quân của người lao động thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh tương tự tại công ty nhận sáp nhập thì được tính tối đa bằng mức lương bình quân trong năm liền kề ở công ty nhận sáp nhập trước thời điểm sáp nhập.

b) Trường hợp phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh mới (ngoài nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh đã được giao ổn định đơn giá tiền lương quy định tại khoản 1 Điều này và ngoài nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mới tiếp nhận từ Công ty mẹ quy định tại điểm a khoản này), từ khi phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh mới, quỹ tiền lương thực hiện của người lao động thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh này được xác định trên cơ sở số lao động thực tế sử dụng bình quân và mức tiền lương bình quân do công ty quyết định bảo đảm tương quan chung nhưng tối đa bằng tiền lương của người lao động làm nghề, công việc tương tự trong Tập đoàn.

c) Khi xác định quỹ tiền lương thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản này, công ty phải bảo đảm: hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được Đảng và Nhà nước giao; nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật, có lợi nhuận và phải báo cáo Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội cho ý kiến trước khi thực hiện”.

Điều 7.[24] Quản lý tiền lương đối với tổng công ty, công ty do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

1. Người đại diện phần vốn của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội căn cứ vào các nguyên tắc quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 6 Nghị định này để quyết định hoặc tham gia với Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quyết định: giao ổn định đơn giá tiền lương; tiền lương của người quản lý doanh nghiệp được tính trong đơn giá tiền lương và quỹ tiền lương thực hiện của công ty; xác định quỹ tiền lương thực

hiện hằng năm gắn với năng suất lao động, hiệu quả sản xuất, kinh doanh của tổng công ty, công ty giai đoạn 2016 - 2020.

2. Trong giai đoạn 2016 - 2020, khi thực hiện mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh, thực hiện Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ mà các tổng công ty, công ty do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải tiếp nhận nhiệm vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh mới từ Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội thì người đại diện phần vốn của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội quyết định hoặc tham gia với Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quyết định về việc xác định quỹ tiền lương thực hiện đối với người lao động thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mới này như sau:

a) Trong thời gian từ khi tiếp nhận nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mới đến hết năm tài chính liền kề năm tiếp nhận, quỹ tiền lương thực hiện được xác định trên cơ sở số lao động thực tế sử dụng bình quân và mức tiền lương tối đa bằng mức tiền lương bình quân của người lao động thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh đó tại Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội trong năm liền kề trước thời điểm chuyển giao trên cơ sở bảo đảm các điều kiện: hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được Đảng và Nhà nước giao; nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật và có lợi nhuận.

b) Sau thời gian quy định tại điểm a Khoản này, quỹ tiền lương thực hiện hằng năm được xác định trên cơ sở số lao động bình quân thực hiện và mức tiền lương bình quân thực hiện tính theo chỉ tiêu năng suất lao động và lợi nhuận thực hiện so với năm trước liền kề theo nguyên tắc quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 6 Nghị định này.

3. Đối với công ty do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thành lập mới trong năm 2020 thì người đại diện phần vốn của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội quyết định hoặc tham gia với Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quyết định quỹ tiền lương thực hiện trên cơ sở số lao động bình quân thực hiện và mức tiền lương bình quân bảo đảm tương quan chung với mặt bằng tiền lương năm 2020 của người lao động tại công ty khác do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và báo cáo Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội cho ý kiến trước khi thực hiện.

4.[25] Từ năm 2021 trở đi, đối với những nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh đã được giao ổn định đơn giá tiền lương trong giai đoạn 2016 - 2020 thì tiếp tục thực hiện đơn giá tiền lương này theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều này; đối với những nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh tiếp nhận từ Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội thì việc xác định quỹ tiền lương thực hiện đối với các nhiệm vụ này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này; đối với nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mới phát sinh (ngoài nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh đã được giao ổn định đơn giá tiền lương quy định tại khoản 1 và ngoài nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mới tiếp nhận từ Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội quy định tại khoản 2 Điều này) thì việc xác định quỹ tiền lương thực hiện đối với nhiệm vụ này thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 6 Nghị định này; đối với những công ty thành lập từ năm 2020 thì việc xác định quỹ tiền lương thực hiện từ năm 2021 đối với các công ty này thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 8. Phân phối tiền lương

Công ty quy định tại Điều 1 Nghị định này thực hiện phân phối tiền lương như sau:

1. Thực hiện trích lập quỹ tiền lương dự phòng cho năm sau không vượt quá 17% quỹ tiền lương thực hiện của công ty.
2. Xây dựng quy chế trả lương theo vị trí, chức danh công việc, gắn với năng suất lao động, hiệu quả doanh nghiệp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý doanh nghiệp và người lao động. Quy chế trả lương được xây dựng bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, có sự tham gia của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi thực hiện (đối với tổng công ty, công ty do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[\[26\]](#) nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thông qua báo cáo của người đại diện phần vốn của Công ty mẹ).
3. Thực hiện tạm ứng tiền lương, trả lương đối với người quản lý doanh nghiệp, người lao động theo quy định của pháp luật và quy chế trả lương của công ty.

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[\[27\]](#)
 - a) Quý I hằng năm, tổ chức rà soát định mức lao động; xây dựng kế hoạch lao động, quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của năm trước liền kề của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[\[28\]](#); phê duyệt hoặc trình phê duyệt theo thẩm quyền kế hoạch sử dụng lao động, quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của năm trước liền kề của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[\[29\]](#), gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính để giám sát, kiểm tra.
 - b) Xây dựng và ban hành quy chế trả lương của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[\[30\]](#) theo quy định tại Nghị định này sau khi có ý kiến của Bộ Quốc phòng; gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính để theo dõi, giám sát.
 - c) Quyết định mức trích lập quỹ tiền lương dự phòng, thực hiện tạm ứng tiền lương, trả lương cho người lao động, người quản lý doanh nghiệp theo quy chế trả lương của công ty.
 - d) Xác định đơn giá tiền lương thực hiện bình quân giai đoạn 2011 - 2015 và giao đơn giá tiền lương ổn định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[\[31\]](#) nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này, đồng thời gửi Bộ Quốc phòng để giám sát, kiểm tra; tiếp nhận báo cáo và có ý kiến để Hội đồng thành viên công ty phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền về kế hoạch sử dụng lao động, quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện, thang lương, bảng lương và quy chế trả lương của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[\[32\]](#) nắm giữ 100% vốn điều lệ.

đ) Chỉ đạo người đại diện phần vốn của Công ty mẹ quyết định hoặc tham gia với Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị thực hiện giao đơn giá tiền lương ổn định và quản lý lao động, tiền lương đối với tổng công ty, công ty do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[33] nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo các nội dung quy định tại Nghị định này; tiếp nhận, xem xét, cho ý kiến đối với báo cáo của người đại diện phần vốn của Công ty mẹ về các nội dung quản lý lao động, tiền lương của tổng công ty, công ty do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[34] nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

e) Hằng năm, tổng hợp tình hình lao động, tiền lương, thu nhập của người lao động và người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[35] nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổng công ty, công ty do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[36] nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính để theo dõi.

g) Quý III năm 2020, tổ chức tổng kết, báo cáo Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính kết quả thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[37] giai đoạn 2016 - 2020 theo quy định tại Nghị định này.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[38] nắm giữ 100% vốn điều lệ

a) Chỉ đạo Tổng giám đốc hoặc Giám đốc thực hiện quản lý lao động, tiền lương đối với công ty theo quy định tại Nghị định này.

b) Báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền đối với kế hoạch lao động, quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện, thang lương, bảng lương và quy chế trả lương của công ty.

c) Quý III năm 2020, tổ chức tổng kết thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương giai đoạn 2016 - 2020 theo quy định tại Nghị định này, báo cáo Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[39], đồng thời gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính.

3. Tổng giám đốc hoặc Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[40] nắm giữ 100% vốn điều lệ

a) Quý I hằng năm, tổ chức rà soát định mức lao động; xây dựng kế hoạch lao động, quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của năm trước liền kề của công ty; phê duyệt hoặc trình phê duyệt theo thẩm quyền kế hoạch sử dụng lao động, quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của năm trước liền kề của công ty, gửi Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[41], Bộ Quốc phòng để theo dõi, giám sát.

b) Xây dựng và ban hành quy chế trả lương của công ty theo quy định tại Nghị định này sau khi có ý kiến của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[42] và gửi

Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[\[43\]](#), Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính để theo dõi, giám sát.

c) Quyết định mức trích lập quỹ tiền lương dự phòng, thực hiện tạm ứng tiền lương, trả lương cho người lao động, người quản lý doanh nghiệp theo quy chế trả lương của công ty.

d) Quý III năm 2020, thực hiện tổng kết thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương giai đoạn 2016 - 2020 theo quy định tại Nghị định này, báo cáo Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty.

4. Người đại diện phần vốn của Công ty mẹ

a) Có ý kiến với Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị công ty xem xét, quyết định hoặc quyết định việc quản lý lao động, tiền lương của tổng công ty, công ty do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[\[44\]](#) nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định này.

b) Báo cáo, xin ý kiến chủ sở hữu về các nội dung liên quan đến quản lý lao động tiền lương tại tổng công ty, công ty do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[\[45\]](#) nắm giữ trên 50% vốn điều lệ trong quá trình thực hiện thí điểm.

c) Có ý kiến đề nghị Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị thực hiện tổng kết thí điểm quản lý lao động tiền lương tại công ty theo quy định tại Nghị định này, báo cáo Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[\[46\]](#) kết quả thực hiện vào quý III năm 2020.

5. Bộ Quốc phòng

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính giao đơn giá tiền lương ổn định đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[\[47\]](#).

b) Tiếp nhận báo cáo về kế hoạch sử dụng lao động, quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện, thang lương, bảng lương và quy chế trả lương của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[\[48\]](#), việc giao đơn giá hằng năm của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[\[49\]](#) đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[\[50\]](#) nắm giữ 100% vốn điều lệ để theo dõi, kiểm tra.

c) Xem xét, cho ý kiến về quy chế trả lương của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[\[51\]](#).

d) Định kỳ hằng năm tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[\[52\]](#) theo quy định tại Nghị định này.

đ) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội[\[53\]](#) giai đoạn 2016 - 2020 theo quy định tại Nghị định này.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Phối hợp với Bộ Quốc phòng giao đơn giá tiền lương ổn định đối với Công ty mẹ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[54] theo quy định tại Nghị định này.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính và Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[55] tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[56] giai đoạn 2016 - 2020 theo quy định tại Nghị định này, báo cáo Thủ tướng Chính phủ vào quý IV năm 2020.

7. Bộ Tài chính

a) Phối hợp với Bộ Quốc phòng giao đơn giá tiền lương ổn định đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[57]; kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[58] theo quy định tại Nghị định này.

b) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[59] giai đoạn 2016 - 2020 theo quy định tại Nghị định này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành[60]

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2016.

Các quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2016[61].

2. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch, Tổng giám đốc, Giám đốc Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[62], công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội[63] nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn của Công ty mẹ chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Văn Thanh

[1] Tên gọi này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 82/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 9 năm 2021.

[2] Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020 có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020.

Nghị định số 82/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 (sau đây gọi là Nghị định số 121/2016/NĐ-CP) đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 74/2020/NĐ-CP) về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội.

[3] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 82/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội, có hiệu lực từ ngày 06 tháng 9 năm 2021.

[4] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[5] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[6] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020

[7] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020

[8] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020

[9] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020

[10] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, có hiệu lực từ ngày 06 tháng 9 năm 2021.

[12] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, có hiệu lực từ ngày 06 tháng 9 năm 2021.

[13] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[14] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, có hiệu lực từ ngày 06 tháng 9 năm 2021.

[15] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[16] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7

năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[17] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[18] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[19] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 82/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, có hiệu lực từ ngày 06 tháng 9 năm 2021.

[20] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[21] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[22] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[23] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020 và được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 82/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị

định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, có hiệu lực từ ngày 06 tháng 9 năm 2021.

[24] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[25] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 82/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội, có hiệu lực từ ngày 06 tháng 9 năm 2021.

[26] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[27] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[28] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[29] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[30] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[\[32\]](#) Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[34] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[35] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[36] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[37] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[38] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[40] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[42] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[43] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[44] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[45] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[46] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[48] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[50] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[51] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[\[52\]](#) Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[53] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[54] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[55] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[56] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[57] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[58] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[59] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[60] Điều 2 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020 quy định như sau:

Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Việc xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mới tiếp nhận hoặc nhận sáp nhập theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị định này tính từ ngày tiếp nhận nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mới hoặc nhận sáp nhập này trong giai đoạn 2016 - 2020 tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội nắm giữ 100% vốn điều lệ, tổng công ty, công ty do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch, Tổng giám đốc, Giám đốc Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 2 Nghị định số 82/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, có hiệu lực từ ngày 06 tháng 9 năm 2021 quy định như sau:

Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Các quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 cho đến khi Chính phủ ban hành Nghị định mới quy định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

3. Từ năm 2021 trở đi, đối với những công ty do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, khi đã được giao đơn giá tiền lương ổn định mà có chỉ tiêu năng suất lao động hoặc lợi nhuận bị giảm chủ yếu do yếu tố khách quan dẫn đến tiền lương bình quân của người lao động hưởng lương theo đơn giá tiền lương được giao ổn định thấp hơn 65% so với mức lương bình quân năm 2020 của số lao động đó thì được tính cao hơn đến 65% mức tiền lương bình quân năm 2020 và bảo đảm không thấp hơn mức tiền lương xác định theo thang lương, bảng lương, phụ cấp lương quy định tại Điều 4 Nghị định số 121/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định này. Khi xác định tiền lương bình quân theo quy định này, công ty phải bảo đảm: hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được Đảng và Nhà nước giao; nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật và phải báo cáo Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội cho ý kiến trước khi thực hiện.

4. Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, công ty do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tiếp tục áp dụng tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 121/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2020/NĐ-CP, không áp dụng quy định về tiền lương, thù lao, tiền thưởng tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp cho đến khi Chính phủ ban hành Nghị định mới quy định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Giám đốc Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

[61] Bỏ cụm từ “đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020” theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 82/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội, có hiệu lực từ ngày 06 tháng 9 năm 2021.

[62] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

[63] Cụm từ “Tập đoàn Viễn thông Quân đội” được sửa đổi thành “Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2016 thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.